

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2023/DS-PT

Ngày: 20 - 7 - 2023

V/v tranh chấp "đòi lại quyền sử
dụng đất, yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ di dời".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Liêm - Thư ký Toà án nhân dân
tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm
2022 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2022/DSST ngày 20 tháng 09 năm 2022
của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 467/2022/QĐ-PT ngày
13 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 772/2022/QĐ-PT ngày 28
tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ-PT ngày 30
tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 171/2023/QĐ-PT ngày
03 tháng 03 năm 2023; Quyết định tạm đình chỉ số 29/2023/QĐ-PT ngày 05
tháng 04 năm 2023; Quyết định tiếp tục giải quyết số 221/2023/QĐ-PT ngày 20
tháng 05 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 221/2023/TB-PT ngày 20
tháng 05 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 265/2023/QĐ-PT ngày 20
tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Minh Hoàng H, sinh
năm: 1972

Địa chỉ: số A, Khu phố D, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1945 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1945.
- Anh Trần Quốc V, sinh năm 1975.
- Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1978.
- Anh Trần Quốc T3, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Trần Quốc H2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số D, Tổ A, ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh V, anh T3, anh H2: Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Bà Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1965 (có mặt).

3.3 Anh Nguyễn Huy T4, sinh năm 1988.

3.4 Anh Nguyễn Huy N, sinh năm 1991.

3.5 Anh Nguyễn Thành T5, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6 Chị Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, anh Huy T7, anh N, anh Thành T8, chị T6: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.7 Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B đường L phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H4 - Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C, Tiền Giang (xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.146m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phía Tây giáp với đất của ông Trần Thanh H1. Nguồn gốc đất do ông mua của ông Lê Văn Y năm 1996 đến năm 1998 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đến năm 2020, giữa ông với ông H1 phát sinh tranh chấp do gia đình ông H1 làm hàng rào lấn sang đất của ông, theo đo đạc thực tế, diện tích lấn chiếm là 127,3m², cạnh phía Nam lấn 1.5m, cạnh phía Bắc lấn 2.04m. Ông có tranh chấp ra xã giải quyết nhưng không thành. Nay ông yêu cầu ông Trần Thanh H1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên đất và trả lại ông diện tích đất lấn chiếm 127,3m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thanh H1, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2, có người đại diện theo ủy quyền anh Trần Quốc T2 trình bày:

Cha anh là ông Trần Thanh H1 là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.647m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phía Đông giáp với đất của ông Nguyễn Văn T. Nguồn gốc đất do cha anh được nhà nước giao đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/6/1997. Năm 2020 giữa gia đình anh và ông T phát sinh tranh chấp, anh không đồng ý với yêu cầu của ông T vì ranh đất giữa hai bên đã có cắm trụ do chính vợ ông T (bà H3) là người cắm ranh vào thời điểm ông T và ông Võ Văn T9 tranh chấp (ông T9 cũng là người có đất giáp ranh với ông T ở hướng Tây), lúc đó có địa phương xuống xác định ranh, có ông Võ Văn T9, ông Nguyễn Văn B chứng kiến, trụ ranh bà H3 cắm hiện tại vẫn còn và nằm ngay vị trí hàng rào gia đình anh xây dựng. Ngoài ra, những người làm chứng đều xác định ranh đất hiện tại gia đình anh sử dụng là đúng với ranh giới đất giữa đất của cha anh và đất của ông T, hiện tại vị trí ranh vẫn còn 01 cây dừa, gốc dừa, gốc tre. Do vậy, anh xác định toàn bộ diện tích đất ông T đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình anh nên anh không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Xuân H3 trình bày:

Bà là vợ ông T, bà thống nhất ý kiến ông T, thời điểm địa phương đến cắm ranh khi ông T9 tranh chấp thì ông T không có ở nhà, đại diện địa phương có nói bà cứ cắm ranh có gì sẽ đo đạc lại sau và bà có điện thoại ông T và ông T cũng nói vậy nên bà mới cắm trụ. Bà thống nhất ý kiến ông T, không có ý kiến gì thêm.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1, có đại diện là ông Huỳnh Văn H4 trình bày:

Ông Trần Thanh H1 có giao dịch vay vốn của Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 24/4/2019. Khi vay ông H1 có thể chấp quyền sử dụng đất tại hợp đồng thế chấp ngày 24/4/2019. Tài sản thế chấp là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.647m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 887032 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Thanh H1 ngày 24/6/1997. Do hợp đồng tín dụng còn trong thời hạn, khách hàng chưa vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng và không tham gia tố tụng đối với vụ án đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 409/2022/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

Căn cứ: Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc đòi ông Trần Thanh H1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ hàng rào và trả lại diện tích đất lấn chiếm 127,3m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3642 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 03 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn Nguyễn Văn T kháng cáo: toàn bộ Bản án sơ thẩm số 409/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1 gồm bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên đất và trả lại cho ông phần diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 127,3 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Minh Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T,

buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 gồm bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên đất và trả lại ông diện tích đất lấn chiếm 127,3m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần Quốc T2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 409/2022/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Nguyễn Văn T là đại diện do được ủy quyền của bà Lê Thị Xuân H3, anh Nguyễn Huy T4, anh Nguyễn Huy N, anh Nguyễn Thành T5 và chị Nguyễn Xuân T6 thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Minh Hoàng H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2022/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về “*Đòi quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét người đại theo ủy quyền của Ngân hàng N1 là ông Huỳnh Văn H4 có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H4.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1 gồm bà Nguyễn Thị T1, Trần Quốc V, Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên thửa đất và trả lại ông phần đất lấn chiếm là 127,3 m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 008504 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T thì thửa số 89, tờ bản đồ số 3, có diện tích là 1.146m², địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục số 42 – 43). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00074 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Thanh H1 thì thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, có diện tích là 2.647 m², địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục 29 – 30). Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định đất ông T giảm 256,2m², diện tích đất của ông H1 tăng 222m², diện tích đất tranh chấp là 127,3m² (bút lục 95, 96). Tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (bút lục 97) thể hiện ranh giới đất có sự thay đổi, diện tích đo đạc thực tế so với giấy chứng nhận tăng. Nếu cộng phần diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất ông H1 tăng 349,3m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

[2.2] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T (bút lục 105-109) thể hiện nguồn gốc đất do ông T nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Y ngày 05/5/1998, sau đó ông T có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đơn xin xác định nguồn gốc đất ngày 05/5/1998 (bút lục 105) thể hiện diện tích đất ông T xin cấp giấy chứng nhận là 1.146m², loại đất ao có tứ cận: Đông giáp kinh nổi, T10 giáp Trần Thanh H1, Nam giáp Võ Thanh T11, B1 giáp Lê Văn Y. Ông T thừa nhận hiện trạng đất đã có sự thay đổi do phần kinh nổi đã sang lấp và cải tạo thành đường nhựa, tứ cận hiện tại: Đông giáp đường nhựa, Tây giáp Trần Thanh H1, Nguyễn Văn B2, Huỳnh Văn B3, Võ Văn T9, Nam giáp đường đan, Bắc giáp Lâm Bá H5. Ông T thừa nhận trước đây giữa ông và ông Võ Văn T9 có tranh chấp liên quan ranh đất ở hướng Tây và địa phương có tiến hành xác minh phía ông T (vợ ông T chứng kiến) và ông T9 đã cầm trụ xác định ranh và sử dụng ổn định đến nay. Qua xem xét tại chỗ thể hiện trụ ranh ông T, ông T9 xác định ở hướng Tây đất ông T vẫn còn nền đất của ông H1 sử dụng hoàn toàn phù hợp vị trí ranh mà ông T đã xác định. Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” Việc xác định ranh trước đây giữa ông H1 và ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Xét lời khai của những người làm chứng gồm ông Võ Văn T9, ông Nguyễn Minh K, ông Huỳnh Thanh C, ông Nguyễn Văn B (bút lục 77, 78, 79, 80, 81, 148, 149) và ông Lê Minh S (người chuyển nhượng đất cho ông T) đều xác định ranh đất của ông T và ông H1 là bờ ruộng, mé bờ ông H1 có trồng rất nhiều cây, hiện vẫn còn 01 cây dừa, 01 bụi tre và những gốc dừa, gốc tre khác. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ trên phần đất tranh chấp ghi nhận hiện trên đất tranh chấp có 02 cây dừa, 01 bụi tre, đồng thời quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận dừa là của ông H1 trồng, thừa nhận hiện trạng trên đất ngoài 02 cây dừa, 01 bụi tre thì vẫn còn một số gốc dừa, gốc tre và vị trí các cây trồng này phù hợp với vị trí ranh đất hướng Tây mà

ông T đã thỏa thuận ranh với ông T9. Toàn bộ hàng rào của ông H1 xây dựng nằm ngoài vị trí ranh hướng Tây đất của ông T.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bộ bản án sơ thẩm số 409/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ: Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc đòi ông Trần Thanh H1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc T2, anh Trần Quốc T3, anh Trần Quốc H2 tháo dỡ hàng rào và trả lại diện tích đất lấn chiếm 127,3m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3642 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải